

thực hiện dự án
**Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung
Việt Nam**

Mã số dự án:
2006.2086.4

1. Mô tả tóm tắt dự án

Trong hai thập kỷ qua kể từ khi bắt đầu chương trình cải cách đổi mới nền kinh tế, Việt Nam đã đạt được những thành tựu ấn tượng về phát triển kinh tế, giảm nghèo và dự kiến sớm đạt được các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDG). Những tác động tiêu cực đi kèm bao gồm những thiệt hại về môi trường cũng như sự mất cân bằng về mặt xã hội và vùng miền ngày càng gia tăng. Do gần như không có một nguồn thu nhập nào khác, người dân các khu vực miền núi chủ yếu phụ thuộc vào việc sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có. Diện tích sử dụng đất nông nghiệp quá nhỏ tại vùng thấp và thiếu kiến thức về các khả năng thâm canh khiến rừng ở các khu vực đồi dốc đã bị phá không có kế hoạch và chuyển thành đất trồng trọt. Tại vùng dự án ở tỉnh Quảng Bình, vấn đề trọng tâm là nguồn tài nguyên thiên nhiên hạn hẹp không được quản lý và sử dụng bền vững do thiếu nhận thức cũng như kiến thức và kỹ thuật canh tác của người dân địa phương và các bên liên quan khác.

Mục tiêu tổng thể của dự án „Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung Việt Nam“ là: Công tác quy hoạch quản lý tài nguyên thiên nhiên được cải thiện. Nhằm đạt được mục tiêu này, dự án đề ra các hoạt động về lập kế hoạch phát triển phân cấp, khuyến nông có sự tham gia và phát triển chuỗi giá trị cũng như lâm nghiệp cộng đồng. Những hoạt động này sẽ được chính thức đưa vào hoặc góp phần điều chỉnh các thủ tục, quy trình lập kế hoạch liên quan ở cấp cộng đồng, khu vực và quốc gia. Trên cơ sở hợp tác với khối kinh tế tư nhân, các cơ quan nông nghiệp sẽ nâng cao năng lực của người sản xuất và thử nghiệm các giải pháp quản lý và tiếp thị theo chuỗi giá trị. Thông qua thay đổi các điều kiện khung về mặt thể chế, các tổ chức trung gian khác có thể chuyển giao các phương pháp tiếp cận này sang các tỉnh và khu vực khác.

Các hợp phần hỗ trợ của phía Đức bao gồm các dịch vụ tư vấn, tập huấn và hỗ trợ tài chính. Cũng như trong giai đoạn 1, dự án sẽ tiếp tục được một chuyên gia DED hỗ trợ trong lĩnh vực Lâm nghiệp cộng đồng.

Dự án nằm trong lĩnh vực ưu tiên đã thoả thuận giữa hai chính phủ Đức và Việt Nam vào năm 2000 „Môi trường, bảo vệ và quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên“. Với chiến lược tăng cường hợp tác với các dự án của các nhà tài trợ và chương trình quốc gia khác cũng như lồng ghép vào cơ cấu chính quyền ở tất cả các cấp, dự án thực hiện chủ trương của Tuyên bố chung Paris và „Cam kết Hà Nội“ về hài hoà hoá và tăng cường hiệu quả viện trợ (Mối liên quan). Thông qua tập trung vào các phương pháp tiếp cận lập kế hoạch liên ngành, dự án bổ sung cho các dự án của Đức và quốc tế khác trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, góp phần cơ bản vào công tác quy hoạch có tính đến yếu tố môi trường ở Việt Nam (Tầm quan trọng).

Tổng thời gian thực hiện dự án là 6 năm (Từ tháng 04/2004 đến tháng 03/2010).

thực hiện dự án
**Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung
 Việt Nam**

Mã số dự án:
 2006.2086.4

2. Các yếu tố bắt buộc

<p>2.1 Mục tiêu tổng thể, Chỉ tiêu đánh giá</p>	<p>Mục tiêu tổng thể: Công tác lập kế hoạch quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên được cải thiện.</p> <p>Chỉ tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tại tỉnh Quảng Bình và các huyện thí điểm Tuyên Hoá, Minh Hoá, cơ chế phân cấp quản lý (hành chính, quản lý, quyền ra quyết định, ngân sách) được thiết lập (thể hiện qua các báo cáo với sự tham gia bình đẳng của cả nam và nữ trong công tác soạn thảo và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội (SEDP). • Thu nhập bổ sung thực tế của các hộ gia đình trong vùng dự án áp dụng kỹ thuật canh tác nông nghiệp bền vững cũng như các hộ gia đình và doanh nghiệp nhỏ tham gia phát triển chuỗi giá trị tăng ít nhất 5%/ 1 năm (Số liệu tham chiếu từ năm 2005). • Chất lượng rừng (tiềm năng kinh tế, mật độ và đa dạng sinh học) tại các xã thử nghiệm tăng lên (Tham chiếu: số liệu điều tra rừng 2005/2006). • Số hộ gia đình tại các xã dự án nằm dưới chuẩn nghèo giảm x % (So với xếp hạng dựa trên <i>Thông tin cơ bản của xã</i> năm 2004). Việc xếp hạng mới sẽ được tiến hành trong kỳ báo cáo tiến độ tiếp theo).
<p>2.2 Mục tiêu giai đoạn và các chỉ tiêu đánh giá</p>	<p>Mục tiêu và chỉ tiêu đánh giá cho giai đoạn trùng với mục tiêu tổng thể và các chỉ tiêu trên.</p>
<p>2.3 (Các) nhóm đối tượng và đối tượng trung gian</p>	<p>Nhóm đối tượng là những người dân nghèo (phân tách theo giới và dân tộc thiểu số) không được đảm bảo về an ninh lương thực, đặc biệt là ở khu vực nông thôn miền núi trong vùng dự án.</p> <p>Đối tượng trung gian là cán bộ các cơ quan địa phương phụ trách công tác lập kế hoạch phân cấp và quản lý tài nguyên thiên nhiên ở cấp tỉnh, huyện, UBND xã, Hội Phụ nữ, các nhóm hội và các tổ chức ngoài quốc doanh phụ trách phát triển nông thôn/các lĩnh vực có liên quan và hỗ trợ quá trình phân cấp quản lý.</p>
<p>2.4 Giá trị hợp đồng của giai đoạn hiện tại tính bằng EUR</p>	
<p>2.5 Cơ quan chủ quản</p>	<p>Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình.</p>

thực hiện dự án
**Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung
 Việt Nam**

Mã số dự án:
 2006.2086.4

	Cùng với việc uỷ quyền thực hiện, cơ quan chủ quản có quyền yêu cầu trực tiếp GTZ thực hiện phần đóng góp cho cơ quan chủ quản. GTZ và cơ quan chủ quản sẽ quy định chi tiết trong một Thỏa thuận thực hiện. Bộ Hợp tác và phát triển kinh tế liên bang Đức (BMZ) có thể thực hiện các quyền của mình từ Hợp đồng uỷ nhiệm thực hiện, đặc biệt là các quyền theo Thỏa thuận chung mà không cần có sự đồng ý của cơ quan chủ quản.
2.6 Các quan hệ hợp tác đã thoả thuận	Như trong giai đoạn 1, dự án sẽ tiếp tục được 1 chuyên gia DED hỗ trợ trong lĩnh vực Lâm nghiệp cộng đồng.
2.7 Xác nhận của GTZ	Các quy định có liên quan nêu trong các văn bản chiến lược quốc gia, văn bản chiến lược ưu tiên cũng như đề án liên ngành có giá trị ràng buộc của Bộ Hợp tác và phát triển kinh tế liên bang Đức (BMZ) đã được tuân thủ khi lập kế hoạch cũng như sẽ được tuân thủ trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

3. Những thông tin cơ bản

3.1 Xuất phát điểm	<p>Trong hai thập kỷ qua kể từ khi bắt đầu chương trình cải cách đổi mới nền kinh tế, Việt nam đã đạt được nhiều thành tựu ấn tượng về phát triển kinh tế, giảm nghèo và dự kiến sớm đạt được các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDG). Các tác động tiêu cực đi kèm thể hiện ở các thiệt hại môi trường cũng như sự mất cân bằng về mặt xã hội và vùng miền ngày càng gia tăng.</p> <p>Sự chênh lệch giữa các vùng miền ngày càng gia tăng khiến những địa bàn xa các khu vực phát triển, trong đó có các tỉnh miền Trung Việt Nam, có nguy cơ bị tách ra khỏi quá trình chuyển đổi chung. Người dân khu vực miền núi chủ yếu phụ thuộc vào việc sử dụng các nguồn tài nguyên sẵn có do hầu như không có một nguồn thu nhập bổ sung nào khác. Do diện tích sử dụng đất nông nghiệp tại vùng thấp quá nhỏ và thiếu kiến thức về các khả năng thâm canh nên rừng ở các vùng đồi dốc bị phá không có kế hoạch và chuyển thành đất canh tác nông nghiệp. Ngoài việc suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên, khả năng sỏi mòn đất cũng tăng.</p> <p>Do ngân sách hạn hẹp và thiếu hụt trong cơ chế chỉ đạo và lập kế hoạch, khả năng của các cơ quan cung cấp dịch vụ công trong việc chống lại nạn cạn kiệt tài nguyên do nghèo và nguy cơ tiếp tục nghèo đi của khu vực này chỉ ở mức hạn chế. Mặc dù cho tới nay đã có những hỗ trợ từ phía các nhà tài trợ song phương và đa phương, trong đó có „Chương trình An ninh lương thực tổng hợp Quảng Bình“ (IESPQB, mã số dự án 1995.3650.9) do Đức hỗ trợ trước đây nhưng hiện nay vấn đề trọng tâm vẫn là nguồn tài nguyên thiên nhiên hạn hẹp không được người dân địa phương và các bên liên quan khác sử dụng bền vững do thiếu nhận thức cũng như kiến</p>
-------------------------------	--

thực hiện dự án
**Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung
 Việt Nam**

Mã số dự án:
 2006.2086.4

	<p>thức và kỹ thuật canh tác.</p> <p>Nguyên nhân của vấn đề này trước hết là do các cơ quan hành chính về lập kế hoạch và dịch vụ kỹ thuật chưa áp dụng các phương pháp, quy trình có sự tham gia một cách đầy đủ để có thể đáp ứng được nhu cầu của người dân nông thôn. Nhằm giải quyết vấn đề này, trong giai đoạn 1, dự án đã (i) xây dựng các phương pháp và mô hình lập kế hoạch phát triển có sự tham gia của người dân ở cấp địa phương, (ii) điều chỉnh các quy trình khuyến nông và lâm nghiệp cộng đồng có sự tham gia phù hợp với tình hình địa phương, đồng thời (iii) phát triển chuỗi giá trị thông qua chế biến và tiếp thị các nông-lâm sản thô. Trong khi áp dụng các quy trình này cùng nhóm đối tượng, năng lực của các cơ quan dịch vụ công đã được nâng cao và qua đó cải thiện điều kiện sống của các xã thí điểm thông qua tăng sản lượng và thu nhập.</p>
<p>3.2 Mối liên quan đến chiến lược phát triển của phía đối tác</p>	<p>Dự án này phù hợp với chiến lược giảm nghèo của Việt Nam (<i>Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và giảm nghèo – CPRGS</i>), các mục tiêu của chiến lược này vừa mới được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội quốc gia (SEDP 2006 – 2010). Việc thực hiện phân cấp diễn ra dựa trên các kế hoạch phát triển trung hạn của các tỉnh và huyện. Hướng tới dân chủ hoá các quá trình lập kế hoạch tại các cấp địa phương (dân chủ cơ sở), dự án hỗ trợ các cơ quan lập kế hoạch huy động người dân cùng tham gia. Dự án cũng dựa trên Chiến lược phát triển lâm nghiệp quốc gia và một loạt các điều luật có liên quan. Dự án nâng cao năng lực cho các cơ quan ban ngành địa phương trong vùng dự án có nhiệm vụ thực hiện các chiến lược này và góp phần đề ra các quy định thực hiện trong các lĩnh vực Lập kế hoạch và Hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương cũng như Quản lý bền vững nguồn tài nguyên nông- lâm nghiệp.</p>
<p>3.3 Mối liên quan đến Chương trình hành động 2015 và các thoả ước quốc tế/ thoả thuận chương trình</p>	<p>Với những biện pháp cụ thể, dự án đóng góp vào Điểm 6 (Đảm bảo tiếp cận với các nguồn lực cần thiết cho sự sống – Thúc đẩy một môi trường toàn vẹn) và Điểm 10 (Đảm bảo sự tham gia của người nghèo - Điều hành chính phủ với tinh thần trách nhiệm). Dự án cũng phù hợp với Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc (Mục tiêu 1: Giảm nghèo và mục tiêu 7: Bền vững về sinh thái) cũng như Chương trình Nghị sự 21 (Chương 10, Quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và Chương 11, Chống nạn phá rừng).</p> <p>Với chiến lược hợp tác tăng cường và tương hỗ với các dự án của các nhà tài trợ và chương trình quốc gia khác cũng như lồng ghép vào cơ cấu chính quyền ở tất cả các cấp, dự án phù hợp với chủ trương của Tuyên bố chung Paris và „Cam kết Hà Nội“ về hài hoà hoá và tăng cường hiệu quả viện trợ (Mối liên quan).</p>
<p>3.4 Mối liên quan đến văn</p>	<p>Dự án nằm trong lĩnh vực trọng tâm đã thoả thuận giữa Đức và Việt Nam năm 2000 „Môi trường, bảo vệ và quản lý bền vững tài nguyên</p>

thực hiện dự án

Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung Việt Nam

Mã số dự án:

2006.2086.4

bản chiến lược quốc gia, chiến lược ưu tiên và/ hoặc chuyên đề liên ngành	thiên nhiên“. Định hướng của dự án đóng góp vào mục tiêu xây dựng mô hình quản lý tài nguyên tạo thu nhập và có sự tham gia ở tất cả các cấp đã đề ra trong văn bản chiến lược ưu tiên.
3.5 Mối liên quan đến các hoạt động hợp tác kỹ thuật song phương trước đây	Về mặt nội dung, dự án là sự phát triển toàn bộ từ „Chương trình An ninh lương thực tổng hợp Quảng Bình“ (mã số dự án 1995.3650.9) được thực hiện từ năm 1996 đến năm 2002 dưới sự uỷ nhiệm của Bộ Hợp tác và phát triển kinh tế liên bang Đức (BMZ).
3.6 Tác động phối hợp với các hoạt động hỗ trợ phát triển khác	<p>Các dự án Hợp tác kỹ thuật khác: Trong khuôn khổ chương trình lâm nghiệp (Hỗ trợ cải cách hành chính lâm nghiệp, mã số dự án: 2002.2531.8), dự án sẽ chia sẻ kinh nghiệm thực hiện lâm nghiệp cộng đồng với hợp phần „Tư vấn chính sách, hỗ trợ thể chế“ nhằm hỗ trợ công tác tư vấn chính sách ở cấp quốc gia. Dự án cũng sẽ phối hợp với các hợp phần khác của chương trình này dự kiến sẽ được thực hiện thí điểm ở tỉnh Quảng Bình (Quản lý rừng tự nhiên, thương mại và tiếp thị). Sự trùng lặp về vùng này hứa hẹn mang lại những tác động tổng hợp. Dự án cũng đã hỗ trợ công tác chuẩn bị cho chương trình hợp tác dự kiến bắt đầu vào năm 2007 về Bảo vệ và quản lý bền vững vùng đệm Vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng“.</p> <p>Hiện dự án đang phối hợp chặt chẽ với dự án „Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk“ (mã số: 1998.2078.8) trong việc chia sẻ các đề cương tập huấn về lập kế hoạch phân cấp và quản lý tài nguyên có sự tham gia. Việc hợp tác với chương trình „Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ“ (mã số: 2003.2283.4) trong lĩnh vực Phát triển chuỗi giá trị cũng cần được tăng cường. Ở cấp khu vực, dự án sẽ tham gia tích cực vào Mạng lưới chuyên ngành Châu Á nhằm tăng cường trao đổi kinh nghiệm.</p> <p>Các nhà tài trợ khác: Các phương pháp và mô hình đã được thử nghiệm thành công thông qua thực hiện thí điểm tại các xã và huyện của tỉnh Quảng Bình được phổ biến rộng rãi trong mạng lưới các dự án đầu tư lớn của các nhà tài trợ khác trong tỉnh. Cụ thể, trong công tác lập kế hoạch đầu tư của mình, dự án „Cải thiện sinh kế khu vực miền Trung“ (CRLIP) do Ngân hàng phát triển châu Á hỗ trợ thực hiện ở cả 3 tỉnh đã áp dụng các phương pháp lập kế hoạch có sự tham gia mà dự án đã xây dựng. Tương tự, ở tỉnh Quảng Bình cũng có một dự án của IFAD (<i>Quỹ phát triển nông nghiệp quốc tế</i>). Tại các tỉnh lân cận Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, ngoài dự án CRLIP của ADB, các chương trình phát triển nông thôn của Thụy Điển, Phần Lan cũng đã tiếp thu quy trình lập kế hoạch của dự án (Tổng số vốn đầu tư khoảng 20.000.000 USD/ chương trình) (Tầm quan trọng)</p>

thực hiện dự án
**Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung
 Việt Nam**

Mã số dự án:
 2006.2086.4

<p>3.7 Cách tiếp cận về mặt phương pháp và các hợp phần hỗ trợ</p>	<p>Thách thức đối với giai đoạn II và cũng là giai đoạn cuối cùng của dự án đồng thời đối với tính bền vững của toàn bộ dự án là ở chỗ các phương pháp, quy trình đã được xây dựng và chuyển giao trong giai đoạn I cần phải được thể chế hoá và phổ biến rộng rãi thông qua các cơ quan hành chính công. Để đạt được điều đó, với tư cách là đối tác thực hiện, các cơ quan ban ngành có liên quan phải được tham gia vào công tác xây dựng và điều chỉnh các phương pháp quản lý tài nguyên bền vững phù hợp với nhu cầu đồng thời cơ quan chủ quản phải được hỗ trợ trong việc đảm nhận trách nhiệm này. Điều này sẽ giúp đảm bảo việc thể chế hoá được chấp nhận về mặt chính sách cũng như thúc đẩy công tác phổ biến trên diện rộng như đã dự kiến.</p> <p>Việc phát triển, thể chế hoá và phổ biến các mô hình phù hợp đòi hỏi một phương pháp tiếp cận tổng hợp ở nhiều cấp can thiệp khác nhau. Trên góc độ các hoạt động kinh tế đa dạng của nhóm hưởng lợi thì phương pháp tiếp cận đơn ngành hứa hẹn ít thành công trong kết nối các mục tiêu ngắn hạn về cải thiện điều kiện sống và các mục tiêu dài hạn về bảo vệ nguồn tài nguyên. Dự án mong muốn có những đóng góp đáng kể vào việc đạt được các mục tiêu này ở các xã thí điểm trong đó các giải pháp quản lý tài nguyên phù hợp có thể được tiếp tục chuyển giao cho nhóm đối tượng theo phương pháp có sự tham gia.</p> <p>Trên cơ sở giai đoạn I, giai đoạn II hướng tới mục tiêu tổng thể „Thể chế hoá và phổ biến những kết quả đã đạt được“.</p> <p>Các đóng góp của dự án được chia thành 3 lĩnh vực như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> (1) Lập kế hoạch phát triển phân cấp, (2) Các phương pháp khuyến nông có sự tham gia và phát triển chuỗi giá trị đã được lựa chọn, phân tách theo giới (3) Lâm nghiệp cộng đồng. <p>Cơ quan lập kế hoạch sẽ đưa người dân vào tham gia trong quá trình lập kế hoạch và lựa chọn những hoạt động phát triển dựa trên nhu cầu. Cơ quan nông nghiệp tập huấn nâng cao năng lực cho người sản xuất và thử nghiệm các giải pháp quản lý và tiếp thị theo chuỗi giá trị (PPP-1) thông qua hợp tác với khối kinh tế tư nhân. Các cơ quan hành chính cấp tỉnh và huyện áp dụng các phương pháp tiếp cận mới và quy định đã được điều chỉnh về quy hoạch sử dụng đất, giao đất giao rừng và lâm nghiệp cộng đồng nhằm giúp các nhóm người sử dụng bảo vệ và phát triển bền vững nguồn tài nguyên rừng. Chính quyền cấp tỉnh sẽ sử dụng các đề án thành công như một quy trình chuẩn trong toàn tỉnh và thể chế hoá trong các văn bản hướng dẫn. Các kinh nghiệm từ các mô hình thí điểm sẽ được tham khảo khi điều chỉnh các điều luật về lâm nghiệp ở cấp</p>

thực hiện dự án
**Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung
 Việt Nam**

Mã số dự án:
 2006.2086.4

	<p>quốc gia và trong công tác cải cách các cơ quan lập kế hoạch. Người dân tham gia dự án sẽ áp dụng các quy trình mới học được, ví dụ trong sản xuất nông nghiệp (Sử dụng đầu ra).</p> <p>Điều này sẽ giúp công tác lập kế hoạch quản lý tài nguyên thiên nhiên được cải thiện (lợi ích trực tiếp). Thông qua thay đổi các điều kiện khung về thể chế, các tổ chức trung gian có khả năng chuyển giao các quy trình sang các tỉnh và khu vực khác (lợi ích gián tiếp). Tóm lại, dự án vừa hỗ trợ cải thiện công tác bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên vừa hỗ trợ công tác giảm nghèo (lợi ích tổng thể).</p>
<p>3.8 Địa điểm thực hiện dự án</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện các biện pháp thử nghiệm ở các xã được lựa chọn của huyện Tuyên Hoá và Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình • Phổ biến và thể chế hoá các mô hình đã được chấp nhận ở tất cả 6 huyện nông thôn của tỉnh Quảng Bình • Nhân rộng các đề án được lựa chọn sang các tỉnh lân cận Quảng Trị và T.T. Huế
<p>3.9 Thời gian thực hiện</p>	<p>Tổng thời gian thực hiện từ tháng 04/2004 đến tháng 03/2010 (6 năm)</p> <p>Các giai đoạn hỗ trợ:</p> <p>Giai đoạn 1: từ tháng 04/2004 đến tháng 03/2007 (3 năm)</p> <p>Giai đoạn 2: từ tháng 04/2007 đến tháng 03/2010 (3 năm)</p>
<p>3.10 Tổ chức thực hiện</p>	<p>Dự án sẽ do Ủy Ban nhân dân tỉnh Quảng Bình điều phối và do các cơ quan hành chính kỹ thuật ở cấp tỉnh, huyện và xã thực hiện, trong đó có Sở Kế hoạch và Đầu tư (DPI), Sở Tài nguyên và môi trường (DONRE), Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (DARD), Chi cục Kiểm lâm (FPD), Chi cục phát triển rừng (DFD), Khuyến nông, các UBND huyện, xã, các tổ chức cung cấp dịch vụ ở huyện, xã, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hiệp hội người sản xuất nhỏ. Cho tới nay các cơ quan hành chính kỹ thuật thường áp dụng phương pháp truyền thống „từ trên xuống“ thường ít định hướng theo tác động và nhóm đối tượng. Trước hết, việc sử dụng các phương pháp có sự tham gia sẽ tăng cường nhận thức của các cơ quan này về nhiệm vụ kỹ thuật của mình.</p>
<p>3.11 Đóng góp của phía đối tác</p>	<p>Chi phí cho Giám đốc dự án, 5 cán bộ kỹ thuật và 3 cán bộ hành chính ở cấp tỉnh (tất cả đều làm việc chuyên trách, tổng cộng 324 tháng chuyên gia), tổng cộng 10 cán bộ kỹ thuật ở các huyện thí điểm (bán chuyên trách, tổng cộng 180 tháng chuyên gia), phòng làm việc ở cấp tỉnh và ở huyện Tuyên Hoá.</p>
<p>3.12 Các hoạt động đồng tài trợ đã thỏa thuận</p>	<p>Không</p>

Thực hiện dự án
**Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung
 Việt Nam**

Mã số dự án:
 2006.2086.4

<p>3.13 Các tác động dự kiến đạt được</p>	<p>Tác động dự kiến về mặt kinh tế-xã hội</p> <p>Đề cương mà dự án theo đuổi về phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên khuyến khích người dân tham gia vào quá trình lập kế hoạch và ra quyết định dân chủ (dự án được xếp loại PD/GG-2), huy động các tiềm năng tự giúp và thuận lợi về mặt quản trị kinh doanh. Tăng sản lượng và thu nhập tại các xã thí điểm sẽ trực tiếp góp phần giảm nghèo (dự án được xếp loại SUA).</p> <p>Tác động dự kiến về mặt văn hoá-xã hội</p> <p>Cải thiện điều kiện sống thông qua đáp ứng những nhu cầu thiết yếu nhất ngoài tình trạng nghèo đói hiện tại, tạo cho người dân cả dân tộc Kinh lẫn các dân tộc ít người khác những triển vọng sống tốt hơn và cho phép họ thực hiện những hoạt động sản xuất bền vững và lâu dài.</p> <p>Nhu cầu và tiềm năng của nữ giới sẽ được lưu ý đến trong các lĩnh vực can thiệp khác nhau. Đối với lực lượng chuyên môn và lãnh đạo của các đối tượng trung gian, dự án cũng sẽ thúc đẩy bình đẳng của cả hai giới nam và nữ trong các khoá tập huấn bồi dưỡng chuyên môn (dự án xếp loại G-1). Không có yêu cầu hành động.</p> <p>Tác động dự kiến về mặt sinh thái</p> <p>Thông qua phát triển hệ thống canh tác nông – lâm nghiệp phù hợp cũng như hỗ trợ các đối tượng trung gian trong công tác lập kế hoạch phát triển ở cấp xã, huyện và tỉnh, sức ép đối với các nguồn tài nguyên rừng, nước và đất sẽ giảm. Thông qua đó cũng gián tiếp góp phần giảm tốc độ thoái hoá nguồn tài nguyên. Bảo vệ môi trường dự phòng (VD: bảo vệ thực vật tổng hợp và các phương án bảo vệ rừng) cũng là một phần trong các hoạt động dự án. Dự án tiếp tục được xếp vào loại UR- 2 – Có yêu cầu hành động.</p> <p>Tác động dự kiến đối với cơ quan chủ quản dự án</p> <p>Mục tiêu tổng thể của dự án liên quan trực tiếp đến việc cải thiện năng lực quản lý và chuyên môn của các cơ quan hành chính tỉnh và huyện. Lợi ích mà dự án hướng tới là giúp các cơ quan phụ trách lập kế hoạch và dịch vụ kỹ thuật có thể áp dụng các quy trình có sự tham gia đáp ứng được nhu cầu của người dân nông thôn.</p> <p>Tác động dự kiến về mặt giải quyết xung đột và/ hoặc gìn giữ hoà bình</p> <p>Hiện nay Việt Nam là một trong những nước có yêu cầu phòng chống khủng hoảng thấp. Vì vậy dự án này được xếp loại K-0.</p>

thực hiện dự án
**Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung
 Việt Nam**

Mã số dự án:
 2006.2086.4

<p>3.14 Các rủi ro quan trọng</p>	<p>Rủi ro tổng thể đối với việc đạt được mục tiêu</p> <p>cao: trung bình: x thấp:</p> <p>Mô tả và đánh giá từng rủi ro</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cần phải làm rõ với cơ quan chủ quản (UBND tỉnh Quảng Bình) về việc liệu chi phí cho công tác nhân rộng mô hình có thể lấy từ ngân sách nhà nước hay không. Các nguồn tài chính bổ sung cũng phải được huy động. • Ở cấp tỉnh, cho tới nay lãnh đạo Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (DARD) vẫn có vẻ tương đối bảo thủ. Đây có thể là một yếu tố không thuận lợi hoặc làm chậm trễ công tác thể chế hoá các quy trình đổi mới như đã dự kiến. <p>Khả năng tác động tới các rủi ro</p> <p>cao: trung bình: x thấp:</p> <p>Các biện pháp giảm bớt rủi ro</p> <p>Có thể giảm bớt được các rủi ro thông qua tiếp tục công tác vận động thuyết phục. Một điểm thuận lợi là trong giai đoạn 2, đóng góp của phía Đức đã được tăng lên và vì vậy dự kiến ngân sách dành cho các hoạt động thí điểm về giảm nghèo trực tiếp sẽ cao hơn.</p>

thực hiện dự án
**Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung
 Việt Nam**

Mã số dự án:
 2006.2086.4

4. Các thông tin khác

4.1 Dự toán chi phí	
Giá trị đề nghị hỗ trợ được xác định theo các quy định tại văn bản VOPR 30/53 và các quy định về xác định giá đối với các hợp đồng uỷ nhiệm công. Giá trị chính thức cuối cùng sẽ được ấn định sau khi tính toán lại.	
	EUR
1 Nhân sự	
2 Trang thiết bị	
3 Hỗ trợ tài chính/Trợ cấp địa phương	
4 Các chi phí riêng lẻ khác	
5 Tổng các chi phí riêng lẻ	
6 Chi phí chung/ lợi nhuận/thuế doanh thu	
7 Giá trị hợp đồng ước tính	
Nếu theo quan điểm của cơ quan thuế, GTZ có nghĩa vụ nộp thuế doanh thu, mặc dù GTZ cho rằng các hoạt động này không phải chịu thuế, hoặc nếu mức thuế giá trị gia tăng được đưa ra quá thấp thì GTZ có quyền yêu cầu bổ sung kinh phí. Khoản thuế giá trị gia tăng hoàn trả lại sẽ được nộp lại cho Bộ hợp tác và phát triển kinh tế liên bang (BMZ).	

4.2 Kế hoạch giải ngân cho giai đoạn dự án từ 2007 đến 2010			
Năm tài chính	Chi (bao gồm chi phí quản lý chung, lãi dự tính và thuế doanh thu)	Kinh phí đã được duyệt nhưng chưa sử dụng hết *)	Kinh phí được cấp mới
Năm thứ nhất (2007)			
Năm thứ hai (2008)			
Năm thứ ba (2009)			
Năm thứ tư (2010)			
Tổng cộng		0	

*) Phần trong giá đề xuất ước tính dự kiến chưa được dùng đến cho chi phí, lãi trên tính toán và thuế giá trị gia tăng sau khi kết thúc hoặc ngừng hợp đồng uỷ nhiệm số